TÒA ÁN N DÂN **T PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN T PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.
Các Hội thẩm N N dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hơn
2. Bà Phan Thị Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án của Tòa án N dân T phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án N dân T phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn N và gia đình thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2020/QĐXXST-HNGĐ ngày tháng năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, T phố M, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1974 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: số B, phường N, T phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh T quen biết, tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 1997, không có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Khi chung sống, chị được cha mẹ hai bên công nhận nên chị về ở chung với anh T tại địa chỉ số B, phường N, T phố M, tỉnh Tiền Giang. Thời gian sống chung được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên ăn nhậu và đánh đập chị, vợ chồng thường gây gỗ và cãi vả, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh T không thay đổi. Chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2009 đến nay. Nay, chị cảm thấy tình cảm không còn và mục đích hôn N không đạt được, nên làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét:

- Về hôn N: Yêu cần Tòa án cho chị được ly hôn với Trương Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trương T N, sinh năm 1998. Con chung đã trưởng T nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trương Văn T: có đơn xin vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày, thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị H, đồng ý ly hôn với chị H tài sản và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H và anh Trương Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 31/12/2019 chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T, Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trương Văn T thường trú tại địa chỉ số B, phường N, T phố M, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân T phố Mỹ Tho.

Bị đơn Trương Văn T có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn N: Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh Thung chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T, phía anh T xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai thể hiện anh T cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H. Căn cứ vào Điều 14 Luật hôn N và Gia đình năm 2014, Tòa án không công nhận chị Lê Thị H và anh Trương Văn T là vợ chồng.

[3]Về con chung: Có 01 con chung tên Trương T N, sinh năm 1998. Do con chung của chị H và anh T đã trưởng T nên không xem xét giải quyết về con chung.

[4]Về tài sản chung: Do chị H và anh T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[5]Về nợ chung: Do chị H và anh T xác định không có nợ chung, và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn N và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 14 Luật hôn N và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn N: Tuyên bố không công nhận chị Lê Thị H và anh Trương Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Con chung Trương T N đã trưởng T nên không xem xét giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001008 ngày 04/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự T phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Sắc Ly

Các Hội thẩm N dân

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa